

Số: 60/2023/QĐST-HNGĐ

Tiêu Cân, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Kim T (Kiên T)**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là: Anh **Đinh Thanh B**, sinh năm 1984, đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản bản ủy quyền ngày 13/10/2020).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà **Sơn Thị Sa H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn gồm:

- Luật sư **Lưu Công Đ**, đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản bản ủy quyền ngày 19/02/2021);

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- Luật sư **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1992, đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản bản ủy quyền ngày 01/12/2022).

Địa chỉ: Ấp Ph, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh **Kim Kh**, sinh năm 1988;

2/ Chị **Thạch Thị X**, sinh năm 2002;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của chị Thạch Thị X là: Anh **Kim Kh**, sinh năm 1988, đại diện theo uỷ quyền (Theo văn bản uỷ quyền ngày 20/4/2023).

3/ Anh **Kim Kh2**, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Chị **Kim Thị Kh1**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Ủy ban nhân dân huyện **Tiểu Cần**, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/ Ông **Thạch Kh**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 29 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Công nhận diện tích đất 2.000,1m² và các tài sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 682, loại đất lúa, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Kim T được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với tài

sản trên đất, theo sơ đồ khu đất ghi “phần B1”, có tứ cận như sau:

Hướng Đông một đoạn giáp thửa đất số 707, có số đo là 49,06m; một đoạn giáp thửa đất số 1218, có số đo là 81,50m.

Hướng Tây giáp “Phần B”, là đường gấp khúc có các số đo là 133,47m và 7,49m;

Hướng Nam một đoạn giáp “Phần C”, có số đo là 5m; một đoạn giáp thửa đất số 707 là đường gấp khúc có số đo là 4,16m và 26,98m;

Hướng Bắc giáp thửa đất số 1218 là điểm 0;

- Công nhận diện tích đất 9.395m² và các tài sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 682, loại đất lúa, tờ bản đồ số 19, tọa lạc Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Sơn Thị Sa H được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ khu đất ghi “phần B”, có tứ cận như sau:

Hướng Đông một đoạn giáp “phần B1”, có số đo là 133,47m; một đoạn giáp thửa đất số 1218 là đường gấp khúc có các số đo là 10,58m và 21,23m.

Hướng Tây một đoạn giáp “Phần A”, là đường gấp khúc có các số đo là 4,60m và 127,50m; một đoạn giáp thửa đất số 671, có số đo là 52,30m;

Hướng Nam một đoạn giáp “phần A”, có số đo là 59,80m; một đoạn giáp “phần C”, có số đo là 39,79m; một đoạn giáp “phần B1”, có số đo 7,49m;

Hướng Bắc một đoạn giáp thửa đất số 637, có số đo là 12,97m; một đoạn giáp thửa đất số 638, có số đo là 61,01m; một đoạn giáp thửa đất số 1218, có số đo là 4,06m;

(Kèm theo trích lục số: 1300/CNHTC-KTĐC ngày 27/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần).

Các đương sự được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định này.

Các đương sự thống nhất giá đất tranh chấp là 85.000 đồng/m².

- Về chi phí thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và lệ phí cung cấp thông tin là: 13.300.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu 6.000.000 đồng và bị đơn tự nguyện chịu 7.300.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn đã dự nộp và đã chi xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kim T phải chịu là 4.250.000 đồng, bà Sơn Thị Sa H phải chịu là 17.972.000 đồng.

Ông Kim T và bà Sơn Thị Sa H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào các Điều 12, 14 và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kim T và bà Sơn Thị Sa H.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi Cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân